

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018  
của thành phố Nha Trang.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ văn bản số 5630/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại về lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang tại Tờ trình số 9332/UBND-TNMT ngày 29/12/2017; Kết luận thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố Nha Trang tại Thông báo số 469/TB-STNMT ngày 29/12/2017 và Công văn số 6400/STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/12/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố Nha Trang với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2018 (Chi tiết phân theo đơn vị hành chính xem Phụ lục 01).

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất trong năm 2018 (Chi tiết phân theo đơn vị hành chính xem Phụ lục 02).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2018 (Chi tiết phân theo đơn vị hành chính xem Phụ lục 03).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2018 (*Chi tiết phân theo đơn vị hành chính xem Phụ lục 04*).

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện việc công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Đồng thời, việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt; kiên quyết không giải quyết thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất các trường hợp không có trong kế hoạch sử dụng đất.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo kế hoạch được duyệt nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; Các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích. Đồng thời, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác giám sát sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giao thông vận tải, Thông tin và truyền thông, Văn hoá – thể thao, Du lịch, Lao động-Thương binh Xã hội và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VC, CN, HM, TK, KN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 CỦA THÀNH PHỐ NGHỆ AN, TỈNH KHÁNH HÒA  
(Theo dự Quyết định số 4973/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Table with 31 columns: STT, Chỉ tiêu sử dụng đất, Mã, Tổng diện tích, and 26 columns for land use types (Phường Vĩnh Hòa to Phường Thuận Hải). Rows include 'TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (tự nhiên)', 'Đất nông nghiệp', 'Đất rừng sản xuất', 'Đất rừng phòng hộ', 'Đất lâm nghiệp', 'Đất chuyên trồng lúa nước', and various agricultural plots.

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tích dồn theo chỉ tiêu



Phụ lục 03.

**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018  
CỦA THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

(Kèm theo Quyết định số 4873/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																												
				Phường Vĩnh Hoà	Phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Phước	Phường Ngọc Hiệp	Phường Vĩnh Thọ	Phường Xương Huân	Phường Vạn Thắng	Phường Vạn Thạnh	Phường Phương Sài	Phường Phương Sơn	Phường Phước Hải	Phường Phước Tân	Phường Lộc Thọ	Phường Phước Tiến	Phường Tân Lập	Phường Phước Hoà	Phường Vĩnh Nguyên	Phường Phước Long	Phường Vĩnh Trường	Xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Trường	Xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Thái	Xã Phước Đông		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NON/PVN	462,61	29,09	7,82		14,04												3,54	12,88	1,23	9,01	62,08	18,54	13,51	55,08	9,27	145,39	81,06			
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PVN	66,99				3,50																0,60	10,36	5,51	23,95	2,30	12,92	7,85			
	Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước	LUC/PVN	56,53				3,50																0,53	8,97	4,51	23,74	2,30	12,92				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNA/PVN	34,19		3,96		0,38														1,30	8,83		1,92	5,27	2,89	1,00	0,20	2,07	3,68		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PVN	141,94	23,92	1,32		4,65														1,50		3,59	34,38	4,97	7,00	20,88	5,00	11,39	22,91		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PVN	3,10																					2,10								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PVN	96,66	5,17	2,51		4,41														0,74		0,38		21,83	0,63		9,95		22,50	28,74	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PVN	119,73				1,10																				0,01		95,58	17,88		
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																															
	Trong đó:																															
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	94,63	29,91			1,53							1,66		0,87						10,63	24,29	2,68	9,83			0,85	1,47	0,82	10,99	1,50

Chú thích: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

